

Số: /TTr-UBND

Lai Châu, ngày tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Phê duyệt Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết*), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Tại Điểm a Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Điểm a Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 quy định: “*Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương*”.

Hiện nay, Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đã kết thúc, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và ban hành Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg. Trong đó, hệ thống nguyên tắc, tiêu chí, định mức xác định để phân bổ vốn

cho các đơn vị triển khai, thực hiện thay đổi so với quy định giai đoạn 2016-2020. Do đó, việc ban hành Nghị quyết quy định trong giai đoạn 2021-2025 là cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2021QH15, ngày 13/11/2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 374-TB/TU ngày 16/6/2022 của Tỉnh ủy về việc thông báo kết luận Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 14-15/6/2022;

Căn cứ Thông báo số 383-TB/TU ngày 21/6/2022 của Tỉnh ủy về việc thông báo kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Quy định cụ thể nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, làm cơ sở phân bổ vốn cho các đơn vị thực hiện phù hợp với trình độ phát triển, không bình quân, chia đều.

2. Quan điểm chỉ đạo: Cụ thể hóa Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào điều kiện thực tế của địa phương, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/03/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình; Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về việc Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu các ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, chỉnh sửa nội dung Dự thảo và gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định (*Cố Báo cáo tiếp thu ý kiến và giải trình kèm theo*).

Dự thảo Nghị quyết đã được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến các đồng chí thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 320/VPUBND-KTN ngày 31 tháng 5 năm 2022.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 13/6/2022, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh có công văn giải trình, tiếp thu (Công văn số 240-CV/BCSĐ ngày 14/6/2022).

Tại các Thông báo kết luận số 374-TB/TU ngày 16/6/2022, số 383-TB/TU ngày 21/6/2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV đã nhất trí với Dự thảo Quy định do Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, đảm bảo quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các địa phương. Đảm bảo điều kiện để đạt được mục tiêu của Chương trình.

2. Vốn ngân sách trung ương:

Thực hiện đảm bảo đúng theo Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

- Ưu tiên hỗ trợ cho các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, xã dưới 15 tiêu chí (*căn cứ số xã tính đến hết năm 2021, trừ xã đặc biệt khó khăn*).

- Hỗ trợ hai huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (*huyện Tam Đường và huyện Than Uyên*).

- Hỗ trợ vốn sự nghiệp cho cấp tỉnh, cấp huyện, xã, các sở, ngành để triển khai hiệu quả vốn được giao và hoàn thành các mục tiêu của Chương trình theo nhiệm vụ được phân công.

- Nguồn vốn từ năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022: Ưu tiên bố trí ở mức độ cao phù hợp với tổng số xã, xã đặc biệt khó khăn.

3. Vốn ngân sách địa phương:

3.1. Đảm bảo tỷ lệ đối ứng để thực hiện các mục tiêu của Chương trình và nhiệm vụ cụ thể của địa phương.

3.2. Bố trí ngân sách để ưu tiên đầu tư, hỗ trợ các nội dung:

- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch.
- Lập quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới đối với các xã không thuộc đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

- Các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch của tỉnh, các xã dưới 15 tiêu chí (*chỉ đầu tư, hỗ trợ đối với các xã đặc biệt khó khăn không thuộc đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách trung ương và chỉ đầu tư, hỗ trợ những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững¹*).

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; các thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí của tỉnh.

Điều 3. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Nguồn vốn năm 2021 (*chuyển sang thực hiện trong năm 2022 được thực hiện theo cơ chế hỗ trợ như giai đoạn 2016-2020*):

- Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 4,0.
- Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3.
- Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (*bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững*): Hệ số 1,0.

2. Nguồn vốn giai đoạn 2022-2025

Căn cứ số xã tính đến hết năm 2021 để làm cơ sở xác định hệ số phân bổ vốn (*trừ các xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) được phê duyệt tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ*).

- Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 5,0.
- Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0.
- Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.
- Đối với huyện phân đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới (*Huyện Than Uyên, huyện Tam Đường*): Hệ số phân bổ 20,0.

¹ Các nội dung không thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững gồm: hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); hỗ trợ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải và vệ sinh môi trường nông thôn; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng; hỗ trợ phát triển Hợp tác xã.

3. Đối với vốn sự nghiệp: Hằng năm căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các cấp (*tỉnh, huyện, xã*), các ngành để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao và hoàn thành các mục tiêu theo thứ tự ưu tiên được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu với tỷ lệ 1:1 tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ, bổ sung cho các huyện thực hiện Chương trình:

- Huyện hoàn thành nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 (*huyện Tam Đường và huyện Than Uyên*): Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% vốn của trung ương phân bổ cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% vốn lập quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới cho các xã ngoài đối tượng hỗ trợ vốn ngân sách trung ương từ Chương trình (*54 xã*) theo đúng hướng dẫn của Bộ Xây dựng.²

- Hằng năm căn cứ vào nhu cầu và khả năng cân đối, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao³, 14 xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch của tỉnh⁴, 25% thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí của tỉnh nhưng không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ từ ngân sách trung ương thực hiện chương trình⁵.

3. Ngân sách các huyện, thành phố:

- Giai đoạn 2021-2025, căn cứ vào nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố, các huyện, thành phố chủ động cân đối bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách địa phương theo tỷ lệ tối thiểu 1:1 để thực hiện các nội dung, hoạt động của Chương trình theo quy định.

² Do ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ lập quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới cho 39 xã khu vực I (*là những xã đạt đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020*) và xã khu vực II (*xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu*) nên ngân sách tỉnh hỗ trợ 54 xã còn lại để lập quy hoạch (*có biểu kèm theo*).

³ Tại Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tỉnh Lai Châu dự kiến có 4 xã nông thôn mới nâng cao tại 4 huyện, thành phố gồm: xã San Thàng thành phố Lai Châu, xã Phúc Khoa huyện Tân Uyên, xã Pha Mu huyện Than Uyên, xã Bản Bo huyện Tam Đường).

⁴ 14 xã đặc biệt khó khăn phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 gồm: (1) Xã Sơn Bình, (2) Nà Tăm, (3) Giang Ma, (4) Tả Lèng huyện Tam Đường, (5) xã Pha Mu, (6) Tả Mung, (7) Khoen On, (8) Tả Hừa huyện Than Uyên, (9) xã Lán Nhi Thàng, (10) Hoang Thèn huyện Phong Thổ, (11) xã Sà Dề Phìn, (12) Pa Khóa huyện Sin Hồ, (13) Nậm Hàng huyện Nậm Nhùn, (14) xã Can Hồ huyện Mường Tè.

⁵ Chi tiết 25% thôn, bản thuộc 54 xã đặc biệt khó khăn (*114/458 thôn, bản*) phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 tại biểu kèm theo.

- Hằng năm các huyện, thành phố dành tối thiểu 50% tiền thu sử dụng đất; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí cho Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn, khuyến khích, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia để đạt mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện, thành phố.

(Có dự thảo Nghị quyết và các văn bản liên quan kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, Tư pháp;
- Lưu: VT, KT6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải